

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết báo cáo thành tích hàng năm
chuyên gia công nghệ thu hút Danh mục công nghệ hàng năm chuyên gia;
mưu nhân bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyên gia công nghệ,
ng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên gia công nghệ**

Căn cứ Luật Chuyên gia công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết và thi hành, quy định và chế độ của Bộ
Khoa học và Công nghệ ;*

*Theo nghị của Văn phòng Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng và Giám đốc công
nghệ và Văn phòng Pháp chế ;*

*Ban trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi
tiết báo cáo thành tích hàng năm chuyên gia công nghệ thu hút Danh mục công
nghệ hàng năm chuyên gia; mưu nhân bản trong hoạt động cấp Giấy phép
chuyên gia công nghệ, ng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên
gia công nghệ .*

Điều 1. Phạm vi, đối tượng và nội dung áp dụng

1. Phạm vi, đối tượng:

Thông tư này hướng dẫn khoản 3 điều 28, khoản 5 điều 29, khoản 7 điều
30 và khoản 4 điều 33 của Luật Chuyên gia công nghệ về chi tiết báo cáo thành
tích hàng năm chuyên gia công nghệ thu hút Danh mục công nghệ hàng năm chuyên
gia và mật số mưu nhân bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyên gia công
nghệ, ng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên gia công nghệ .

Mưu nhân ng ký chuyên gia công nghệ, Giấy chứng nhận ng ký
chuyên gia công nghệ thành tích theo quy định của Chính phủ .

2. Nội dung áp dụng:

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép chuyên gia công nghệ, cấp Giấy
chứng nhận ng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên gia công nghệ ;

b) Tổ chức, cá nhân ng cấp Giấy phép chuyên gia công nghệ, báo cáo
thành tích hàng năm chuyên gia công nghệ thu hút Danh mục công nghệ hàng năm
chuyên gia, ng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên gia
công nghệ ;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điểm 2. Chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao

1. Những khoản tiền, tài sản, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Chuyển giao công nghệ ghi báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (theo Mục 05 Phần I của ban hành kèm theo Thông tư này) về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Số liệu báo cáo công bố trên ngày 15 tháng 12 của năm trước liên quan đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

Đối với trường hợp nộp báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao mà thời gian thực hiện hợp đồng chưa quá 01 năm, bên có trách nhiệm báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này ghi báo cáo vào năm kết thúc và số liệu báo cáo bao gồm toàn bộ thời gian đã thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ trước đó.

3. Hình thức báo cáo công bố hiện hành và bản, bao gồm bản báo cáo giấy và bản báo cáo điện tử:

a) Bản báo cáo giấy phải có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và đóng dấu theo quy định (đối với tổ chức); ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân);

b) Bản báo cáo điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), phong cách tiếng Việt của mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, nội dung phải thể hiện đúng nội dung bản báo cáo giấy.

4. Phương thức ghi báo cáo

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính bản báo cáo giấy về Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi bản báo cáo điện tử về địa chỉ email: vudtg@most.gov.vn.

Điểm 3. Các mức bản ban hành kèm theo Thông tư

1. Đối với hồ sơ đăng ký phép chuyển giao công nghệ:

a) Mức bản ban hành chấp thuận chuyển giao công nghệ (Mục 01);

b) Mục tài liệu ghi trình tự công nghệ (Mục 02);

c) Mức bản ban hành chấp đăng ký phép chuyển giao công nghệ (Mục 03);

d) Mục Đăng ký phép chuyển giao công nghệ (Mục 04).

2. Mục báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (Mục 05).

3. Đối với hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ:

a) Mục vụ ngành kỹ gia h n, s a i, b sung nội dung chuyên giao công ngh (M u s 06);

b) Mục Gi y ch ng nh n ng ký gia h n, s a i, b sung nội dung chuyên giao công ngh (M u s 07).

Đ i u 4. Hi u l c thi hành và t ch c th c hi n

1. Thông t này có hi u l c thi hành k t ngày 01 tháng 7 n m 2018.

2. Bộ Khoa h c và Công ngh giao V ánh giá, Th m nh và Giám nh công ngh làm m i tri n khai th c hi n Thông t này.

3. Các Bộ , c quan ngang Bộ , c quan thu c Chính ph , y ban nhân dân các t nh, thành ph tr c thu c Trung ng và t ch c, cá nhân cố liên quan ch u trách nhi m thi hành Thông t này.

4. Trong quá trình th c hi n Thông t này, n u có v n v ng m c ngh các c quan, t ch c, cá nhân ph n ánh k p th i v Bộ Khoa h c và Công ngh s a i, b sung cho phù h p./.

N i nh n:

B T R NG

- Th t ng Chính ph ;
- Các Phó Th t ng Chính ph ;
- Các Bộ , c quan ngang Bộ , c quan thu c Chính ph ;
- V n phòng Qu c h i;
- V n phòng Ch t ch n c;
- V n phòng Chính ph ;
- UBND các t nh, thành ph tr c thu c Trung ng;
- Vi n Ki m sát nhân dân t i cao;
- Tòa án nhân dân t i cao;
- Ki m toán Nhà n c;
- C c Ki m tra VBQPPL (B T pháp);
- Công báo, Website Chính ph ;
- L u: VT, V TG.